| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN Q**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **02/**2023/KDTM- ST
Ngày 31 tháng 3 năm 2023
*V/v "T/c hợp đồng mua bán"*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nguyễn Ngọc Long**

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông **Tạ Văn Thắng**

2. Bà **Nguyễn Thị Hoa**

*Thư ký phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Thu –** Thẩm tra viên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa:*

Bà **Nguyễn Thị Cúc** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2023/TLST – KDTM ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng kinh tế" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 01/2023/QĐST-KDTM ngày 20 tháng 3 năm 2022, giữa:

* Nguyên đơn: **Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ Y**; Địa chỉ: Số 82/11 N, phường 14, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Hải T - Chức vụ: Giám đốc; Người được ủy quyền: bà Bùi Thị Tố Q, theo Giấy ủy quyền ký ngày 14/02/2023.

* Bị đơn: **Công ty Cổ phần đầu tư kinh doanh và Xây dựng Z**; Địa chỉ: Km 17 đường Đ, xã Y, huyện Q, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông Vũ Trường G - Chức vụ: Tổng giám đốc; Người được ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Đ, theo văn bản uỷ quyền số 01/2023/GMA ký ngày 10/3/2023.

(Đại diện ủy quyền của nguyên đơn có mặt; bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến gửi đến phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 10 năm 2020 của nguyên đơn, cũng như bản tự khai và các biên bản hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Bùi Thị Tố Q trình bày*:

Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ Y (sau đây gọi tắt là Công ty Y) và bị đơn Công ty Cổ phần đầu tư kinh doanh và Xây dựng Z (sau đây gọi tắt là Công ty Z) là doanh nghiệp đối tác kinh doanh nhiều năm trong lĩnh vực kinh doanh mặt hàng gỗ. Ngày 15 tháng 6 năm 2018, các bên có ký kết Hợp đồng kinh tế số 17062019 TTV-GMA về việc mua bán gỗ, giá trị hợp đồng là 1.568.462.500 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn hoàn tất nghĩa vụ giao hàng, các bên xác nhận thanh toán và xuất hóa đơn. Đến ngày 06/05/2020, các Bên đã lập biên bản đối chiếu công nợ, theo đó, giá trị bị đơn còn nợ nguyên đơn là 860.862.214 đồng. Nghĩa vụ thanh toán phát sinh ngay khi các bên xác nhận công nợ.

Sau xác nhận công nợ, bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán công nợ cho nguyên đơn. Đến ngày 07/08/2020, bị đơn xác nhận khoản nợ đối với nguyên đơn là 860.862.214 đồng và đề xuất phương án trả nợ từng đợt, bắt đầu từ ngày 25/08/2020, mỗi đợt thanh toán từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng theo Công văn tại số 0708.2020/CV-GMA. Tuy nhiên, cho đến thời điểm khởi kiện, bị đơn vẫn không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào trong toàn bộ số nợ 860.862.214 đồng cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn đã tiến hành khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi suất chậm trả.

Quá trình giải quyết vụ án, các bên đã tiến hành hòa giải hai lần vào ngày 13/03/2023 và ngày 20/03/2023. Tại các phiên hòa giải, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn khoản nợ gốc theo hợp đồng kinh tế và biên bản xác nhận công nợ ngày 06/05/2020 là 860.862.214 đồng. Bị đơn đề nghị được miễn lãi.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là: Yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ gốc 860.862.214 đồng theo nội dung nhận nợ tại các biên bản hòa giải và yêu cầu bị đơn thanh toán lãi chậm trả đối với dư nợ gốc. Cụ thể:

Căn cứ Điều 4 của hợp đồng kinh tế số 17062019 TTV – GMA ngày 15/6/2018 – Trách nhiệm của mỗi Bên theo Hợp đồng: "Nếu Bên B thanh toán chậm cho Bên A, thì Bên B phải thanh toán lãi trả chậm theo lãi suất của ngân hàng Vietcombank".

Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán thêm nợ lãi chậm trả từ ngày phát sinh nghĩa vụ trả nợ, tạm tính đến phiên xét xử sơ thẩm 31/03/2023: (Dư nợ gốc x (150% Lãi suất cho vay ngân hàng vietcombank)/365 ngày * (thời gian 06/05/2020 đến 31/03/2023).

Lãi chậm trả = 860.862.214*(7,5%*150%)/365*1059 = 280.988.964 đồng.

Trong đó: 7.5% là lãi suất cho vay của Ngân hàng Vietcombank tại thời điểm xét xử và lãi suất chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trên dư nợ gốc, theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015: "5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau: b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác."

Thời gian chậm trả 06 tháng 5 năm 2020 đến 31 tháng 3 năm 2023 là 1059 ngày.

Tổng cộng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và nợ lãi là 1.141.851.178 đồng. Lãi suất chậm trả được áp dụng cho đến khi bị đơn thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

*Theo Bản tự khai ngày 17 tháng 3 năm 2023; Văn bản trình bày ý kiến ngày 17 tháng 3 năm 2023 và Văn bản trình bày ý kiến ngày 22 tháng 3 năm 2023 cũng như các biên bản hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:*

Thứ nhất: Công ty Z có ký Hợp đồng kinh tế số 17062019 TTV- GMA với Công ty Y vào ngày 15/06/2018 Theo Hợp đồng Công ty Y sẽ cung cấp cho Công ty Z mặt hàng gỗ thông vàng có xuất xứ từ Mỹ cho Công ty Z với số lượng là 550 tấn, tổng giá trị Hợp đồng là 1.568.462.500 VNĐ. Ngày 06/05/2020, theo đối chiếu công nợ, Công ty Z chưa thanh toán cho Công ty Trực tuyếnViệt số tiền hàng là 860.862.214 đồng.

Do tình hình kinh doanh của Công ty Z gặp khó khăn do hàng hóa bị ứ đọng, không xuất đi được. Từ năm 2019 tình hình dịch Covid 19 rất khó khăn trong cả nước, dẫn đến khủng hoảng kinh tế của các doanh nghiệp, mọi hoạt động sản xuất đều bị ngừng lại, Công ty Z cũng không ngoại lệ. Công ty Z rất muốn thanh toán số tiền hàng nợ Công ty Y, thế nhưng số tiền này vượt ngoài khả năng chi trả của Công ty Z.

Thứ hai: Điều kiện tài chính của Công ty không đủ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Công ty Y, Công ty Z đã gửi các Công văn số 0808/2020/CV-GMA và CV số 0110.2020/GMA gửi Công ty Y để đề nghị được chậm thanh toán và xin được gia hạn thời gian trả nợ nhưng chưa được Công ty Y phản hồi.

Thứ ba: Do không đủ kinh phí để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh nên Công ty Z đã tạm ngừng hoạt động kinh doanh từ ngày 25/11/2020 – đến ngày 02/03/2023. Công ty không có thêm bất cứ 1 thu nhập nào từ hoạt động kinh doanh kể từ ngày ngừng hoạt động. Công ty đã hoạt động trở lại từ ngày 03/03/2023. Tuy nhiên, Công ty vẫn chưa có đủ nhân lực, tài chính để phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty cần một thời gian để có phương hướng định hướng phục hồi, tái cơ cấu lại doanh nghiệp thì mới có khả năng chi trả khoản nợ cho Công ty Y.

Công ty Z kính đề nghị HĐXX, Công ty Y xem xét hoàn cảnh khó khăn của Doanh nghiệp, Doanh nghiệp xin được hoàn trả tiền nợ gốc số tiền là 860.862.214 đồng. Đối với phần lãi suất mà Công ty trực tuyết Việt đang yêu cầu trả là: 280.988.964 đồng với mức lãi suất 7,5 % lãi suất Vietcombank, lãi suất chậm trả 150% lãi suất cho vay trên nợ gốc. Công ty Z không đồng ý với cách tính lãi suất trên, Công ty Z xin đề nghị HĐXX xem xét và giải quyết đúng theo qui định của pháp luật hiện hành. Đồng thời, Công ty Z kính đề nghị Công ty Y và HĐXX xem xét hoàn cảnh của Doanh nghiệp để được trả nợ gốc, miễn lãi suất và xin được gia hạn thêm thời gian trả nợ, tạo điều kiện doanh nghiệp có thêm thời gian phục hồi doanh nghiệp, có khả năng tài chính để thanh toán.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của đương sự; Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tuy nhiên hai bên đương sự không thống nhất được về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc xác định nội dung tranh chấp, thẩm quyền giải quyết tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thời hiệu khởi kiện; tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định; việc cấp, tống đạt và giao nhận văn bản tố tụng dân sự đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự, thủ tục tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự luật định. Nguyên đơn, bị đơn được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Việc Hội đồng xét xử tiến hành việc xét xử sau khi đã tống đạt hợp lệ cho đương sự là đúng thủ tục tố tụng.

- Về nội dung: Việc bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn theo đúng thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế hai bên đã ký là vi phạm hợp đồng kinh tế và các quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc thanh toán theo hợp đồng kinh tế là có căn cứ. Với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn: Tại Điều 4 của Hợp đồng kinh tế số 17062019 TTV-GMA ngày 15/6/2018 có nội dung thoả thuận: Nếu bên B thanh toán chậm cho bên A, thì bên B phải thanh toán lãi trả chậm theo lãi suất của ngân hàng Vietcombank. Theo đó thì GMA phải thanh toán lãi đối với số tiền do GMA chậm thanh toán theo lãi suất ngân hàng. Theo bản tự khai của đại diện Công ty Y thì lãi ngân hàng Vietcombank xác định là 7.5%/năm nên số tiền lãi trả chậm tính đến ngày 31/3/2023 là 280.988.964 đồng.

Từ những phân tích nhận định trên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và quyết định:

Áp dụng các Điều 357; 429; 430; 440; 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 50, Điều 55, Điều 306, Điều 319 Luật thương mại năm 2005; Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị HĐXX buộc Công ty Z phải trả cho Công ty Y số tiền còn nợ theo Hợp đồng kinh tế số 17062019 TTV – GMA ngày 15/6/2018 là 860.862.214 đồng, và số tiền lãi trả chậm tính đến ngày 31/3/2023 theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Buộc Công ty Z phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là Công ty Z, có địa chỉ trụ sở ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp qua các lần thay đổi và Đăng ký thay đổi lần thứ 19 cấp ngày 06/10/2020 do Sở kế hoạch và đầu tư cấp thì địa chỉ trụ sở chính là tại: Km 17 đường Đ, xã Y, huyện Q, thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Đây là vụ án Kinh doanh thương mại "Tranh chấp hợp đồng kinh tế", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn chấp hành các quy định của pháp luật trong việc nhận văn bản tố tụng và trình bày ý kiến. Tuy nhiên do quan điểm khác nhau nên hai bên đương sự không thống nhất được về cách giải quyết nội dung vụ án.

[2] Về nội dung: Việc ký kết Hợp đồng kinh tế số 17062019 TTV – GMA ngày 15/6/2018 giữa nguyên đơn và bị đơn có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý buộc hai bên phải thực hiện.

[3] Về thời hiệu: Ngày 07/08/2020, bị đơn xác nhận khoản nợ đối với nguyên đơn là 860.862.214 đồng và đề xuất phương án trả nợ từng đợt, bắt đầu từ ngày 25/08/2020. Tuy nhiên sau khi xác nhận công nợ thì bị đơn không thanh toán được cho nguyên đơn phần nghĩa vụ nào. Ngày 10/12/2020, Công ty Y nộp đơn khởi kiện, do vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật về thời hiệu khởi kiện.

[4] Căn cứ Hợp đồng kinh tế, biên bản đối chiếu công nợ và các tài liệu mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án, nhận thấy: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Y đã giao đầy đủ hàng hóa theo Hợp đồng trên cho Công ty Z theo các biên bản đối chiếu công nợ ngày 07/8/2020, cụ thể như sau: Tính đến ngày 07/08/2020, bị đơn xác nhận khoản nợ đối với nguyên đơn là 860.862.214 đồng và đề xuất phương án trả nợ từng đợt, bắt đầu từ ngày 25/08/2020, mỗi đợt thanh toán từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng theo Công văn tại số 0708.2020/CV-GMA.

Tuy nhiên cho đến nay Công ty Z chưa thực hiện được cam kết trả nợ như đã ký với Công ty Y. Tổng số tiền mà Công ty Z còn nợ Công ty Y là 860.862.214 đồng.

Về cách tính lãi: Căn cứ Điều 4 của hợp đồng kinh tế số 17062019 TTV – GMA ngày 15/6/2018: số lãi tính đến ngày 31/3/2023 là (Dư nợ gốc x Lãi suất cho vay Ngân hàng vietcombank/365 ngày * (thời gian 06/05/2020 đến 31/03/2023).

Lãi chậm trả = (860.862.214*7.5%*150%)/365*1059 = 280.988.964 đồng.

Tổng số tiền mà bị đơn còn phải thanh toán tính đến ngày 31 tháng 3 năm 2023 là: 1.141.851.178 đồng. Trong đó nợ gốc là 860.862.214 đồng và nợ lãi chậm thanh toán là 280.988.964 đồng;

Như vậy, có đủ căn cứ để xác nhận Hợp đồng kinh tế số 17062019 TTV – GMA ngày 15/6/2018 có giá trị pháp lý. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án tuyên buộc bị đơn thanh toán khoản nợ gốc 860.862.214 đồng theo nội dung nhận nợ tại các biên bản hòa giải và yêu cầu bị đơn thanh toán lãi chậm trả đối với dư nợ gốc tính đến ngày 31/3/2023 là 280.988.964 đồng. Xét các yêu cầu trên là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố nên dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác trong trường hợp đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm; Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

- Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

- Vì các căn cứ nhận định trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357; 429; 430; 440; 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 50, Điều 55, Điều 306, Điều 319 Luật thương mại năm 2005; Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

**Xử:**

**1**. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ Y**;

Buộc Công ty Cổ phần đầu tư kinh doanh và Xây dựng Z phải trả Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ Y theo hợp đồng kinh tế số 17062019 TTV – GMA ngày 15 tháng 6 năm 2018 số tiền tính đến ngày 31 tháng 3 năm 2023 là 1.141.851.178 (*một tỷ, một trăm bốn mươi mốt triệu, tám trăm năm mươi mốt nghìn, một trăm bảy tám*) đồng. Trong đó nợ gốc là 860.862.214 đồng và nợ lãi chậm thanh toán là 280.988.964 đồng;

Kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2023, Công ty Cổ phần đầu tư kinh doanh và Xây dựng Z còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc chậm thanh toán cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ Y. Trong trường hợp Công ty Cổ phần đầu tư kinh doanh và Xây dựng

Z không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ gốc và số tiền lãi phát sinh, thì Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**2.** Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác trong trường hợp các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

**3**. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần đầu tư kinh doanh và Xây dựng Z phải chịu 46.255.535 đồng *(bốn mươi sáu triệu, hai trăm lăm mươi lăm nghìn, năm trăm ba lăm)* đồng án phí sơ thẩm;

- Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ Y không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 18.000.000 *(mười tám triệu)* đồng theo biên lai thu số 0000522 ngày 24 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, thành phố Hà Nội.

**4**. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2023. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Q;
- Chi cục THA dân sự huyện Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Long